

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CHUYÊN ĐỀ KHOA HỌC

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NGÀNH
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Chủ nhiệm chuyên đề: TS. Bùi Văn Hồng

Thư ký chuyên đề: CN. Lưu Thu Thủy

Hà Nội, năm 2003

5164

6/14/05

MỤC LỤC

Mở đầu:.....	3
Chương I: Những vấn đề chung về khoa học bảo hiểm xã hội.....	5
I. Khoa học	5
1. Khái niệm khoa học.....	5
2. Phân loại khoa học.....	6
II. Đề tài khoa học	9
1. Khái niệm đề tài	9
2. Phân loại đề tài khoa học	10
III. Chuyên đề khoa học	12
1. Khái niệm chuyên luận (chuyên đề).....	12
2. Khái niệm chuyên đề khoa học	13
3. Chuyên đề cấp viện, cấp trung tâm	14
4. Đề án, dự án.....	15
Chương II: Thực trạng hoạt động khoa học của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.....	17
I. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học.....	17
1. Các đề tài nghiên cứu	17
2. Về qui trình quản lý nghiên cứu.....	18
3. Đội ngũ cán bộ khoa học	24
4. Kinh phí thực hiện đề tài	25
II. Thực trạng các hoạt động khoa học khác.....	26
1. Thông tin khoa học.....	26
2. Thống kê khoa học	27
3. Hội thảo khoa học.....	28
4. Học tập kinh nghiệm nước ngoài	28
5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế.....	29
III. Đánh giá ưu nhược điểm.....	30
1. Về ưu điểm.....	30

2. Về nhược điểm	31
Chương III: Các giải pháp nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam	33
I. Hiệu quả hoạt động khoa học	33
1. Khái niệm hiệu quả.....	33
2. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động khoa học ngành Bảo hiểm xã hội .	34
II. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học ngành Bảo hiểm xã hội ...	36
1. Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình quản lý nghiên cứu khoa học	36
2. Ban chủ nhiệm đề tài có phương pháp nghiên cứu khoa học nghiêm túc ...	40
3. Phải thể chế hoá các qui định thành các mẫu biểu thực hiện	40
4. Hàng năm mở các lớp tập huấn.....	41
5. Thực hiện đồng bộ các hoạt động khoa học khác	41
III. Điều kiện thực hiện.....	42
1. Có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bảo hiểm xã hội.....	42
2. Đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, nhiệt tình với công tác khoa học	42
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác khoa học	43
Kết luận.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Sự cần thiết phải nghiên cứu chuyên đề

Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 19/CP ngày 16/2/1995 và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10/1995. Chỉ sau một thời gian ngắn, ngày 1/6/1996 Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường đã có quyết định số 1147/QĐ - KH công nhận Bảo hiểm xã hội(BHXXH) Việt Nam là đầu mối khoa học công nghệ. Từ đó hoạt động khoa học của BHXXH Việt Nam được triển khai thực hiện như: Nghiên cứu , thống kê, thông tin khoa học...đặc biệt là công tác nghiên cứu khoa học đã được triển khai nhanh chóng ngày càng đi vào nề nếp. Đến nay, sau 8 năm thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, BHXXH Việt Nam đã triển khai nghiên cứu được 120 đề tài và chuyên đề cấp Bộ (chưa kể số đề tài do BHYT thực hiện). Trong số đó đã nghiệm thu được hơn 79 đề tài và chuyên đề cấp Bộ. Số đề tài và chuyên đề khoa học được nghiên cứu một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của BHXXH Việt Nam, như: Những vấn đề cơ bản về BHXXH; kinh nghiệm hoạt động BHXXH trên thế giới; cơ sở khoa học của việc hoàn thiện các chế độ chính sách BHXXH; những vấn đề về tổ chức thực hiện công tác thu chi BHXXH; quản lí và cân đối quỹ BHXXH ... Kết quả nghiên cứu của các đề tài, chuyên đề khoa học trong những năm qua đã cung cấp được những luận cứ khoa học góp phần không nhỏ trong việc nâng cao hiệu quả các hoạt động của ngành BHXXH.

Tuy nhiên, hoạt động khoa học của BHXXH Việt Nam trong những năm qua cũng còn nhiều vấn đề tồn tại. Nhiều đề tài chuyên đề sau khi nghiệm thu chưa được áp dụng vào thực tế; Công tác thông tin truyền tải các kết quả nghiên cứu đề tài chưa kịp thời; hoạt động thống kê khoa học chưa đi vào nề nếp, chưa đáp ứng kịp thời cho công tác nghiên cứu khoa học và cho các hoạt động của ngành ... Tất cả những hạn chế này ảnh hưởng đến hiệu quả của các

hoạt động khoa học. Từ năm 2003 trở đi số lượng nghiên cứu các đề tài càng nhiều hơn, các hoạt động khoa học càng phải được tiến hành đồng bộ. Riêng năm 2004 Tổng giám đốc BHXH Việt Nam đã kí quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu cho 5 tiểu chương trình, 21 đề tài và chuyên đề, với tổng kinh phí nghiên cứu là 1,225 tỷ đồng. Để nâng cao hiệu quả các hoạt động khoa học, khoa học phải gắn liền thực tế, phải phục vụ các hoạt động thực tế của ngành, thì cần thiết phải có một chuyên đề " *Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học ngành BHXH* "

Mục tiêu nghiên cứu của chuyên đề:

Chuyên đề đặt ra 2 mục tiêu chính:

- Làm rõ thực trạng các hoạt động khoa học của ngành BHXH trong thời gian qua, từ đó có những đánh giá đúng mức những mặt được và những mặt còn hạn chế của công tác khoa học trong ngành BHXH.

- Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học của ngành BHXH trong thời gian tới.

Bố cục chuyên đề

Để làm rõ các mục tiêu trên, chuyên đề bố trí thành 3 chương:

Chương I: *Những vấn đề chung về khoa học BHXH*

Chương II: *Thực trạng hoạt động khoa học ngành BHXH Việt Nam*

Chương III: *Các giải pháp để nâng cao hiệu quả khoa học của ngành BHXH*

Sau đây là nội dung chi tiết của từng chương:

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHOA HỌC BẢO HIỂM XÃ HỘI

I. KHOA HỌC

1. Khái niệm khoa học

Theo từ điển bách khoa Việt Nam xuất bản 1995 thì khái niệm khoa học được hiểu là:

Khoa học là hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy, được tích lũy trong quá trình nhận thức trên cơ sở thực tiễn được thể hiện bằng những khái niệm, phán đoán, học thuyết.(1)

Nhiệm vụ của khoa học (KH) là phát hiện ra bản chất, tính quy luật của các hiện tượng, sự vật, quá trình, từ đó mà dự báo về sự vận động, phát triển của chúng, định hướng cho hoạt động của con người. KH giúp cho con người ngày càng có khả năng chinh phục tự nhiên và xã hội. KH vừa là một hình thái ý thức xã hội vừa là một dạng hoạt động, một công cụ nhận thức.

Các yếu tố cấu thành của khoa học: có nhiều yếu tố, mỗi bộ môn khoa học lại có các yếu tố cấu thành cụ thể khác nhau, nhưng theo từ điển Bách khoa Việt nam xuất bản năm 1995, khoa học nào cũng bao gồm 4 yếu tố cơ bản chung sau đây(2):

- Trí thức kinh nghiệm
- Trí thức lý luận
- Phương pháp, cách xử lý
- Giả thuyết và kết luận

Mỗi yếu tố có một vai trò, vị trí khác nhau. Trí thức lý luận bao giờ cũng bắt nguồn từ kinh nghiệm thực tế. Song trí thức lý luận là một nội dung cấu thành các ý thức xã hội. Vì vậy trí thức lý luận cũng có tính chất năng động sáng tạo và luôn có tính tiên phong đi trước. Với vị trí quan trọng đó, trí thức lý luận thường được dùng trong các công trình khoa học như một luận cứ về mặt lý luận, làm cơ sở lý luận để xuất những nội dung mới của một công

trình khoa học.

Tri thức kinh nghiệm là phản ánh thực tại khách quan, đó là những nội dung đánh giá thực tế. Từ thực tế đúc rút ra những bài học kinh nghiệm, những bài học kinh nghiệm đó bổ sung cho lý luận, hoặc hình thành tri thức lý luận mới. Vì vậy kinh nghiệm thực tế có vị trí hết sức quan trọng, nó quyết định sự hình thành, phát triển của tri thức lý luận. Các công trình khoa học nói chung và khoa học kinh tế, xã hội nói riêng bao giờ cũng có một nội dung quan trọng là đánh giá thực tế để rút ra những bài học kinh nghiệm. Nội dung này thường được gọi là cơ sở thực tế các công trình khoa học và theo kết cấu truyền thống của một đề tài thường được bố trí thành chương thực trạng.

Phương pháp, cách xử lý:

Đây cũng là một yếu tố quan trọng của một công trình khoa học, nó bao gồm từ việc xác định phương pháp tiến hành nghiên cứu đến phương pháp áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế. Đánh giá sự thành công của một công trình, một đề tài khoa học bao giờ cũng phải đánh giá một cách toàn diện về phương pháp tiến hành và kết quả nghiên cứu. Trong khoa học người ta đã khẳng định rằng phải có một phương pháp khoa học thì mới có một kết quả. Phương pháp càng khoa học tiên tiến thì sản phẩm cũng càng hiện đại, càng có ích cho xã hội loài người. Thực ra phương pháp khoa học cũng là một dạng sản phẩm của khoa học, của trí tuệ loài người.

Giả thuyết và kết luận:

Đây là những kết quả, là sản phẩm của một công trình, một đề tài khoa học.

2. Phân loại khoa học

Hiện nay có nhiều cách phân loại

- Phân loại theo khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng.

Khoa học cơ bản: Khoa học cơ bản là hệ thống tri thức lý thuyết phản ánh các thuộc tính, quan hệ, quy luật khách quan của lĩnh vực hiện thực được nghiên cứu. Có nhiệm vụ nghiên cứu, nhận thức hiện thực khách quan như nó vốn có.(3)

Trong lịch sử nhận thức, quan niệm về khoa học cơ bản (KHCB) cũng có sự thay đổi: đến giữa thế kỷ 19, người ta quan niệm KHCB là các khoa học tự nhiên; sau đó, thuật ngữ KHCB bao gồm cả những khoa học tự nhiên cơ bản và các khoa học liên ngành xuất hiện ở những chỗ giao nhau của các khoa học tự nhiên cơ bản; sau cùng, KHCB là tất cả các khoa học lí thuyết, KHCB được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với khoa học ứng dụng. Với nghĩa này, KHCB không chỉ đóng khung trong phạm vi các khoa học tự nhiên mà mở rộng sang cả các khoa học xã hội và các khoa học kĩ thuật. Quan niệm cuối cùng này có ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp luận trong việc phân loại khoa học và phản ánh một cách sâu sắc mối quan hệ giữa lí luận và thực tiễn.

Khoa học ứng dụng (KHUD) là: Hệ thống tri thức vạch ra những con đường, những biện pháp, thủ thuật, hình thức ứng dụng tri thức khách quan (lí thuyết) vào thực tiễn nhằm phục vụ cho lợi ích con người. Nếu các khoa học cơ bản hướng tới việc loại bỏ hoàn toàn nhân tố chủ quan để nhận thức chính xác các quy luật khách quan của thế giới bên ngoài, những điều kiện tác động của chúng, thì các KHUD, ngược lại, chú ý tới nhân tố chủ quan (đến mục đích và các phương tiện để đạt được mục đích) với việc hiện thực hoá nó trong cuộc sống. Đương nhiên, đường danh giới phân chia giữa KHCB và KHUD có tính tương đối vì bất kỳ một khoa học cơ bản nào cũng có nội dung thực tiễn và bất kỳ KHUD nào cũng có ý nghĩa lí thuyết khách quan.(4)

Phân theo nội dung gồm có :

Khoa học tự nhiên(KHTN)là: Tri thức đã được hệ thống hoá về giới tự nhiên, nghiên cứu những quy luật tồn tại và phát triển của giới tự nhiên, là cơ sở lí luận của kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp, y học vv..(5)

Theo nội dung và phương pháp nghiên cứu, có thể phân chia KHTN thành khoa học lí thuyết và KHUD; còn theo đối tượng - KHTN vô cơ và KHTN hữu cơ. KHTN liên hệ chặt chẽ với quá trình sản xuất, nên là một lực lượng sản xuất trực tiếp đặc thù. Vai trò dẫn đầu trong tự nhiên đang chuyển

dân từ vật lý học sang sinh học và điều khiển học. KHTN có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội thể hiện rõ trong cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại. Các KHTN khác như toán học, vật lý học, thiên văn học, hoá học, sinh học, địa lý học, hải dương học, khí tượng học... nghiên cứu về các lĩnh vực, bộ phận khác nhau của giới tự nhiên.

Khoa học kỹ thuật(KHKT): Là tên gộp chung những khoa học cụ thể được hình thành trên cơ sở ứng dụng những tri thức lý thuyết của các khoa học cơ bản (cơ ,lý, hoá, sinh, toán, kể cả xã hội) vào trong hoạt động thực tiễn, chủ yếu là sản xuất vật chất và dịch vụ bằng con đường tạo ra những phương tiện kỹ thuật và phương pháp công nghệ thích hợp. Có thể kể ra các KHKT như: vô tuyến điện tử (ứng dụng cơ học lượng tử), năng lượng học - kể cả năng lượng hạt nhân(ứng dụng vật lý học các hạt cơ bản), khoa học luyện kim, khoa học khai mỏ (ứng dụng vật lý, hoá học, địa chất học) , các khoa học nông nghiệp (ứng dụng sinh vật học, thực vật học, động vật học), các khoa học tin học(ứng dụng sinh học, sinh lý học người), khoa học hàng không vũ trụ(ứng dụng thiên văn học), điều khiển học (ứng dụng toán học, lôgic học). Thế kỷ 20, KHTN hiện đại kết hợp hết sức chặt chẽ với kỹ thuật, hình thành một hệ thống KHKT thống nhất. (6)

Khoa học kinh tế là: Khoa học nghiên cứu sự vận động của các quan hệ kinh tế của xã hội, chủ yếu là các quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất, để từ đó rút ra các phạm trù, các nguyên lí, các quy luật kinh tế chi phối sự hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cũng như từng lĩnh vực kinh tế riêng biệt. Kinh tế học (KTH) hiện đại còn được hiểu là một môn khoa học nghiên cứu vấn đề con người lựa chọn và vận dụng những phương thức nào để sử dụng những nguồn tài nguyên có hạn một cách có hiệu quả kinh tế - xã hội nhất, nhằm sản xuất ra các loại hàng hoá, dịch vụ và phân phối cho tiêu dùng hiện tại và lâu dài của các cá nhân và những nhóm người trong xã hội. Trên cơ sở đó, vận dụng vào thực tiễn và quản lý các hoạt động kinh tế sao cho đạt hiệu quả cao nhất. KTH được chia ra thành nhiều môn

khoa học có đối tượng nghiên cứu khác nhau như: KTH chính trị và các KTH cụ thể (KTH công nghiệp, KTH nông nghiệp, KTH lao động, KTH thương nghiệp, KTH vận tải vv..), trong đó KTH chính trị là cơ sở cho các KTH cụ thể. Mọi đường lối, chính sách phát triển kinh tế, tổ chức và quản lí nền kinh tế quốc dân đều dựa vào các môn khoa học kinh tế.(7)

Khoa học xã hội và nhân văn: Hệ thống những tri thức về xã hội và về con người hợp thành xã hội. Nếu tách bạch thì khoa học xã hội (KHXH) nghiên cứu về xã hội, còn khoa học nhân văn nghiên cứu về con người. Có những khoa học nghiên cứu xã hội như một chính thể phát triển qua thời gian: Đó là sử học (cổ, trung, cận, hiện đại) và những khoa liên quan như khảo cổ học, dân tộc học. Có những khoa học nghiên cứu xã hội như một cấu trúc gồm nhiều yếu tố hợp thành (cơ sở và kiến trúc thượng tầng, tồn tại xã hội và ý thức xã hội) cũng như các mặt khác nhau của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, luật pháp, đạo đức, tôn giáo, văn học, nghệ thuật tâm lí...đó là những khoa học xã hội hiểu theo nghĩa hẹp. Nếu lấy con người làm đối tượng nghiên cứu, coi con người, tính người là chung tâm như hàm nghĩa của khái niệm khoa học nhân văn thì chưa đủ, bởi con người là chủ đề của ý thức, của tư duy. Vì vậy khoa học nhân văn còn gồm cả những khoa học triết học, trong đó có triết học(nghiên cứu thế giới quan, về lí luận nhận thức), lôgic học (nghiên cứu về tư duy trừu tượng).(8)

Trong từng loại khoa học này lại có thể chia nhỏ thành các bộ môn khoa học cụ thể, ví dụ khoa kinh tế có thể được chia nhỏ thành: Khoa học vĩ mô, vi mô, khoa học kinh tế đối ngoại, khoa học kinh tế bảo hiểm... trên thực tế, bao giờ con người cũng nghiên cứu những bộ môn khoa học rất cụ thể và mỗi một bộ môn khoa học cụ thể đó được nghiên cứu bằng các đề tài, chuyên đề.

II. ĐỀ TÀI KHOA HỌC

1. Khái niệm đề tài

Đề tài là: Đối tượng để miêu tả, biểu hiện, nghiên cứu, chuyển trò...Trong văn học nghệ thuật đề tài (ĐT) là những hiện tượng xã hội được